

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Giáo dục thể chất (Học phần 3) - 1106009

Giám thị 1: Phan Thị Mỹ Hoa Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: 110600908

Số tín chỉ: 1.00

Giám thị 2: Phạm Quang Ouy Ký tên: [Signature]

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Mỹ Hoa + Phạm Quang Ouy

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 28/10/2013 Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210130341	Phạm Minh	Luân	06/12/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm điểm	C14KT3
2	1110130087	Đặng Thị Xuân	Mai	05/10/1991	<u>[Signature]</u>		5	Năm điểm	C14KT3
3	1210130228	Cao Thị Hà	My	20/11/1993	<u>[Signature]</u>		8	Tám điểm	C14KT3
4	1210130229	Hồ Ngọc Yến	Nhi	21/11/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu điểm	C14KT3
5	1210130230	Trần Minh	Tân	19/09/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm điểm	C14KT3
6	1210130231	Lê Thị Mai	Thảo	08/08/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu điểm	C14KT3
7	1210130232	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/07/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười điểm	C14KT3
8	1210130233	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/09/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy điểm	C14KT3
9	1210130235	Phạm Thị Thu	Thảo	20/01/1994	<u>[Signature]</u>				C14KT3
10	1210130236	Quách Thị Ngọc	Thảo	29/08/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu điểm	C14KT3
11	1210130237	Dương Thị Hồng	Thi	01/04/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy điểm	C14KT3
12	1210130238	Nguyễn Thị Mai	Thi	02/12/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy điểm	C14KT3
13	1210130239	Nguyễn Thị Vân	Thi	10/09/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười điểm	C14KT3
14	1210130240	Hồ Thị	Thiện	03/03/1994	<u>[Signature]</u>		8	Tám điểm	C14KT3
15	1210130251	Vương Đức	Thịnh	02/11/1994	<u>[Signature]</u>		9	Chín điểm	C14KT3
16	1210130250	Hoàng Thị	Thoan	18/05/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy điểm	C14KT3
17	1210130241	Lê Thị Minh	Thơ	15/02/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu điểm	C14KT3
18	1210130254	Nghiêm Thị Hoài	Thu	05/03/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười điểm	C14KT3
19	1210130255	Trần Thị Cẩm	Thu	16/03/1993	<u>[Signature]</u>		10	Mười điểm	C14KT3
20	1210130256	Võ Ngọc Minh	Thu	12/11/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy điểm	C14KT3
21	1210130257	Lê Thị	Thùy	16/08/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười điểm	C14KT3
22	1210130258	Nguyễn Thị	Thùy	30/06/1994	<u>[Signature]</u>		10 7	Bảy điểm	C14KT3
23	1210130259	Nguyễn Thị Kim	Thùy	01/07/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười điểm	C14KT3
24	1210130261	Nguyễn Thị	Thủy	19/02/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười điểm	C14KT3
25	1210130262	Phan Thị Thanh	Thủy	02/04/1994	<u>[Signature]</u>		8	Tám điểm	C14KT3
26	1210130263	Trần Thị Lệ	Thủy	04/06/1994	<u>[Signature]</u>		9	Chín điểm	C14KT3
27	1210130260	Trương Thiên	Thúy	16/06/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm điểm	C14KT3
28	1210130245	Đào Thị	Thư	30/01/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười điểm	C14KT3
29	1210130242	Huỳnh Anh	Thư	07/11/1993	<u>[Signature]</u>		10	Mười điểm	C14KT3
30	1210130243	Lê Vũ Minh	Thư	19/10/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười	C14KT3
31	1210130244	Lưu Kim	Thư	19/11/1994	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C14KT3
32	1210130246	Nguyễn Thị Trúc	Thư	28/04/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười	C14KT3
33	1210130247	Phạm Thị Anh	Thư	02/10/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy điểm	C14KT3
34	1210130248	Phạm Thị Minh	Thư	20/11/1993	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14KT3

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	G
35	1210130249	Võ Thị Anh	Thư	02/12/1994					C14KT3	
36	1210130252	Nguyễn Thị Minh	Thương	11/09/1994			9	Chín điểm	C14KT3	
37	1210130253	Trần Thị Minh	Thương	01/07/1994					C14KT3	
38	1210130264	Phạm Thị Thủy	Tiên	05/05/1992					C14KT3	
39	1210130265	Trần Thị Cẩm	Tiên	22/01/1994			10	Mười	C14KT3	
40	1210130267	Văn Thụy	Tiên	03/09/1994			8	Tám	C14KT3	
41	1210130268	Cao Văn	Tiến	25/03/1993					C14KT3	
42	1210130269	Lê Thanh	Toàn	28/08/1994					C14KT3	
43	1210130282	Cao Thị Thùy	Trang	17/08/1993			9	Chín	C14KT3	
44	1210130283	Dương Thùy	Trang	13/04/1994			10	Mười	C14KT3	
45	1210130284	Mã Minh	Trang	24/11/1994			10	Mười	C14KT3	
46	1210130285	Nguyễn Thị Minh	Trang	26/03/1994			10	Mười	C14KT3	
47	1210130286	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	06/11/1994			9	Chín	C14KT3	
48	1210130288	Phạm Thị Thu	Trang	14/06/1994			9	Chín	C14KT3	
49	1210130289	Phạm Thị Thùy	Trang	02/02/1993			10	Mười	C14KT3	
50	1210130290	Phùng Thị Thanh	Trang	07/01/1994					C14KT3	
51	1210130292	Trần Thị Thùy	Trang	26/11/1994					C14KT3	
52	1210130293	Võ Thị Thu	Trang	08/10/1994			10	Mười	C14KT3	
53	1210130271	Lê Thị	Trâm	25/05/1994			9	Chín	C14KT3	
54	1210130272	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	01/07/1994			8	Tám	C14KT3	
55	1210130273	Nguyễn Thị Bích	Trâm	08/04/1994			10	Mười	C14KT3	
56	1210130274	Nguyễn Thị Bích	Trâm	29/04/1994					C14KT3	
57	1210130276	Phan Thị Ngọc	Trâm	08/10/1993			10	Mười	C14KT3	
58	1210130275	Phạm Thị Tuyết	Trâm	08/12/1994			7	Bảy	C14KT3	
59	1210130277	Trần Thị Ngọc	Trâm	20/04/1994			10	Mười	C14KT3	
60	1210130278	Trần Thị Thủy	Trâm	30/07/1994			6	Sáu	C14KT3	
61	1210130279	Bùi Nguyễn Mỹ	Trân	07/01/1994			6	Sáu	C14KT3	
62	1210130280	Nguyễn Ngọc Bao	Trân	30/05/1993			7	Bảy	C14KT3	
63	1210130281	Nguyễn Thị Huyền	Trân	28/05/1994			8	Tám	C14KT3	
64	1210130294	Cao Thị Mỹ	Trình	25/07/1994			10	Mười	C14KT3	
65	1210130295	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	18/04/1994			8	Tám	C14KT3	
66	1210130296	Trần Ngọc	Trình	06/04/1994					C14KT3	
67	1210130297	Võ Thị Yến	Trình	03/08/1994			9	Chín	C14KT3	
68	1210130298	Võ Việt	Trình	17/04/1993					C14KT3	
69	1210130299	Huỳnh Thị	Tròn	09/09/1993			8	Tám	C14KT3	
70	1210130300	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	24/04/1994			8	Tám	C14KT3	
71	1210130301	Nguyễn Thị Thủy	Trúc	028/7/1994			10	Mười	C14KT3	
72	1210130302	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	18/12/1994			6	Sáu	C14KT3	
73	1210130303	Phan Thanh	Trúc	21/10/1994			8	Tám	C14KT3	
74	1210130304	Sử Thanh	Trúc	05/10/1994			10	Mười	C14KT3	
75	1210130305	Cao Minh	Tuấn	23/12/1993			10	Mười	C14KT3	
76	1210130306	Trần Châu	Tuấn	16/09/1994			8	Tám	C14KT3	
77	1210130313	Đinh Thị Thanh	Tuyền	31/05/1994			8	Tám	C14KT3	
78	1210130310	Hồ Thị Thanh	Tuyền	19/07/1993			10	Mười	C14KT3	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1210130311	Lê Thị Ngọc	Tuyển	03/11/1994	L. Ngọc		5	Năm điểm	C14KT3	
50	1210130312	Nguyễn Thị Bích	Tuyển	28/03/1994	Nguyễn Bích		9	Chín điểm	C14KT3	
81	1210130314	Phùng Thị Mộng	Tuyển	13/07/1994	Phùng Thị Mộng		7	Bảy điểm	C14KT3	
82	1210130315	Nguyễn Thị Ánh	Tuyệt	17/11/1994	Nguyễn Thị Ánh		10	Mười	C14KT3	
83	1210130308	Huỳnh Thanh	Tùng	20/04/1994	Tùng		8	Tám	C14KT3	
84	1210130309	Bùi Anh	Tú	30/09/1994	B. Anh		8	Tám	C14KT3	
85	1210130316	Bùi Thị Minh	Ty	11/08/1994	B. Thị Minh		10	Mười	C14KT3	
86	1210130317	Lê Thị Kim	Uyên	12/12/1994	L. Thị Kim		5	Năm điểm	C14KT3	
87	1210130318	Kiều Thị Thúy	Vân	30/08/1994	K. Thị Thúy		9	Chín	C14KT3	
88	1210130319	Nguyễn Thị	Vân	18/04/1994	Nguyễn Thị		8	Tám	C14KT3	
89	1210130320	Hồ Thị Xuân	Vi	07/10/1994	H. Thị Xuân		7	Bảy	C14KT3	
90	1210130321	Lê Huyền	Vi	18/06/1994	L. Huyền		5	Năm	C14KT3	
91	1210130322	Ngô Thị	Vinh	08/11/1994	Ngô Thị		9	Chín	C14KT3	
92	1210130324	Trần Thị Thanh	Vui	14/02/1994	T. Thị Thanh		10	Mười	C14KT3	
93	1210130323	Nguyễn Thanh	Vương	10/03/1994	Nguyễn Thanh		10	Mười	C14KT3	
94	1210130327	Lê Nguyễn Thùy	Vy	14/07/1994	L. Nguyễn Thùy		9	Chín	C14KT3	
95	1210130328	Nguyễn Thị Aui	Vy	19/10/1994	Nguyễn Thị Aui				C14KT3	
96	1210130330	Huỳnh Kim Anh	Xuân	18/10/1994	H. Kim Anh		10	Mười	C14KT3	
97	1210130331	Lữ Thị Thanh	Xuân	09/01/1994	L. Thị Thanh		10	Mười	C14KT3	
98	1210130333	Trần Thanh	Xuân	27/11/1994	T. Thanh		10	Mười	C14KT3	
99	1210130334	Trương Thị Kim	Xuân	12/11/1994	T. Thị Kim		9	Chín	C14KT3	
100	1210130335	Hồ Hai	Yến	07/11/1994	H. Hai				C14KT3	
101	1210130336	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	20/03/1994	Nguyễn Thị Ngọc		9	Chín	C14KT3	
102	1210130337	Phạm Mỹ	Yến	05/05/1994	P. Mỹ		9	Chín	C14KT3	
103	1210130338	Trần Kim	Yến	20/11/1994	T. Kim		7	Bảy	C14KT3	
104	1210130339	Lê Như	Ý	24/12/1994	L. Như		7	Bảy	C14KT3	
105	1210130340	Nguyễn Thị Như	Ý	19/06/1993	Nguyễn Thị Như		10	Mười	C14KT3	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Giáo dục thể chất (Học phần 3) - 1106009

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110600908

Số tín chỉ: 1.00

Giám thị 2: Phạm Quang Dục Ký tên: AB

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Mỹ Hoa + Phạm Quang Dục

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 12/10/2013 Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210130341	Phạm Minh Luân	06/12/1994	<u>[Signature]</u>	8	Tám điểm	C14KT3	
2	1110130087	Đặng Thị Xuân Mai	05/10/1991	<u>[Signature]</u>	5	Năm điểm	C14KT3	
3	1210130228	Cao Thị Hà My	20/11/1993	<u>[Signature]</u>	8	Tám điểm	C14KT3	
4	1210130229	HồÀ Ngọc Yến Nhi	21/11/1994	<u>[Signature]</u>	7	Bảy điểm	C14KT3	
5	1210130230	Trần Minh Tân	19/09/1994	<u>[Signature]</u>	3	Ba điểm	C14KT3	
6	1210130231	Lê Thị Mai Thảo	08/08/1994	<u>[Signature]</u>	7	Bảy điểm	C14KT3	
7	1210130232	Nguyễn Thị Thu Thảo	01/07/1994	<u>[Signature]</u>	9	Chín điểm	C14KT3	
8	1210130233	Nguyễn Thị Thu Thảo	30/09/1994	<u>[Signature]</u>	4	Bốn điểm	C14KT3	
9	1210130235	Phạm Thị Thu Thảo	20/01/1994	<u>[Signature]</u>			C14KT3	
10	1210130236	Quách Thị Ngọc Thảo	29/08/1994	<u>[Signature]</u>	6	Sáu điểm	C14KT3	
11	1210130237	Dương Thị Hồng Thi	01/04/1994	<u>[Signature]</u>	5	Năm điểm	C14KT3	
12	1210130238	Nguyễn Thị Mai Thi	02/12/1994	<u>[Signature]</u>	4	Bốn điểm	C14KT3	
13	1210130239	Nguyễn Thị Vân Thi	10/09/1994	<u>[Signature]</u>	10	Mười điểm	C14KT3	
14	1210130240	Hồ Thị Thiện	03/03/1994	<u>[Signature]</u>	8	Tám điểm	C14KT3	
15	1210130251	Vương Đức Thịnh	02/11/1994	<u>[Signature]</u>	8	Tám điểm	C14KT3	
16	1210130250	Hoàng Thị Thoan	18/05/1994	<u>[Signature]</u>	7	Bảy điểm	C14KT3	
17	1210130241	Lê Thị Minh Thơ	15/02/1994	<u>[Signature]</u>	7	Bảy điểm	C14KT3	
18	1210130254	Nghiêm Thị Hoài Thu	05/03/1994	<u>[Signature]</u>	7	Bảy điểm	C14KT3	
19	1210130255	Trần Thị Cẩm Thu	16/03/1993	<u>[Signature]</u>	6	Sáu điểm	C14KT3	
20	1210130256	Võ Ngọc Minh Thu	12/11/1994	<u>[Signature]</u>	2	Hai điểm	C14KT3	
21	1210130257	Lê Thị Thùy	16/08/1994	<u>[Signature]</u>	8	Tám điểm	C14KT3	
22	1210130258	Nguyễn Thị Thùy	30/06/1994	<u>[Signature]</u>	6	Sáu điểm	C14KT3	
23	1210130259	Nguyễn Thị Kim Thùy	01/07/1994	<u>[Signature]</u>	7	Bảy điểm	C14KT3	
24	1210130261	Nguyễn Thị Thủy	19/02/1994	<u>[Signature]</u>	6	Sáu điểm	C14KT3	
25	1210130262	Phan Thị Thanh Thủy	02/04/1994	<u>[Signature]</u>	7	Bảy điểm	C14KT3	
26	1210130263	Trần Thị Lệ Thủy	04/06/1994	<u>[Signature]</u>	5	Năm điểm	C14KT3	
27	1210130260	Trương Thiên Thúy	16/06/1994	<u>[Signature]</u>	3	Ba điểm	C14KT3	
28	1210130245	Đào Thị Thư	30/01/1994	<u>[Signature]</u>	9	Chín điểm	C14KT3	
29	1210130242	Huỳnh Anh Thư	07/11/1993	<u>[Signature]</u>	9	Chín điểm	C14KT3	
30	1210130243	Lê Vũ Minh Thư	19/10/1994	<u>[Signature]</u>	9	Chín điểm	C14KT3	
31	1210130244	Lưu Kim Thư	19/11/1994	<u>[Signature]</u>	8	Tám điểm	C14KT3	
32	1210130246	Nguyễn Thị Trúc Thư	28/04/1994	<u>[Signature]</u>	5	Năm điểm	C14KT3	
33	1210130247	Phạm Thị Anh Thư	02/10/1994	<u>[Signature]</u>	5	Năm điểm	C14KT3	
34	1210130248	Phạm Thị Minh Thư	20/11/1993	<u>[Signature]</u>	6	Sáu điểm	C14KT3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Gh.
35	1210130249	Võ Thị Anh	Thư	02/12/1994				C14KT3	
36	1210130252	Nguyễn Thị Minh	Thương	11/09/1994	<i>Thư</i>	3	Ba điểm	C14KT3	
37	1210130253	Trần Thị Minh	Thương	01/07/1994				C14KT3	
38	1210130264	Phạm Thị Thủy	Tiên	05/05/1992				C14KT3	
39	1210130265	Trần Thị Cẩm	Tiên	22/01/1994	<i>Thủy</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
40	1210130267	Văn Thủy	Tiên	03/09/1994	<i>Thủy</i>	3	Ba điểm	C14KT3	
41	1210130268	Cao Văn	Tiến	25/03/1993				C14KT3	
42	1210130269	Lê Thanh	Toàn	28/08/1994				C14KT3	
43	1210130282	Cao Thị Thủy	Trang	17/08/1993	<i>Trang</i>	8	Tám điểm	C14KT3	
44	1210130283	Dương Thùy	Trang	13/04/1994	<i>Trang</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
45	1210130284	Mã Minh	Trang	24/11/1994	<i>Minh</i>	3	Ba điểm	C14KT3	
46	1210130285	Nguyễn Thị Minh	Trang	26/03/1994	<i>Minh</i>	4	Bốn điểm	C14KT3	
47	1210130286	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	06/11/1994	<i>Ngọc</i>	5	Năm điểm	C14KT3	
48	1210130288	Phạm Thị Thu	Trang	14/06/1994	<i>Thu</i>	5	Năm điểm	C14KT3	
49	1210130289	Phạm Thị Thùy	Trang	02/02/1993	<i>Thùy</i>	10	Mười điểm	C14KT3	
50	1210130290	Phùng Thị Thanh	Trang	07/01/1994				C14KT3	
51	1210130292	Trần Thị Thùy	Trang	26/11/1994				C14KT3	
52	1210130293	Võ Thị Thu	Trang	08/10/1994	<i>Thu</i>	7	Bảy điểm	C14KT3	
53	1210130271	Lê Thị	Trâm	25/05/1994	<i>Thị</i>	7	Bảy điểm	C14KT3	
54	1210130272	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	01/07/1994	<i>Bích</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
55	1210130273	Nguyễn Thị Bích	Trâm	08/04/1994	<i>Bích</i>	8	Tám điểm	C14KT3	
56	1210130274	Nguyễn Thị Bích	Trâm	29/04/1994				C14KT3	
57	1210130276	Phan Thị Ngọc	Trâm	08/10/1993	<i>Ngọc</i>	4	Bốn điểm	C14KT3	
58	1210130275	Phạm Thị Tuyết	Trâm	08/12/1994	<i>Tuyết</i>	3	Ba điểm	C14KT3	
59	1210130277	Trần Thị Ngọc	Trâm	20/04/1994	<i>Ngọc</i>	5	Năm điểm	C14KT3	
60	1210130278	Trần Thị Thùy	Trâm	30/07/1994	<i>Thùy</i>	9	Chín điểm	C14KT3	
61	1210130279	Bùi Nguyễn Mỹ	Trân	07/01/1994	<i>Mỹ</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
62	1210130280	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	30/05/1993	<i>Bảo</i>	3	Ba điểm	C14KT3	
63	1210130281	Nguyễn Thị Huyền	Trân	28/05/1994	<i>Huyền</i>	4	Bốn điểm	C14KT3	
64	1210130294	Cao Thị Mỹ	Trinh	25/07/1994	<i>Mỹ</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
65	1210130295	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	18/04/1994	<i>Tuyết</i>	5	Năm điểm	C14KT3	
66	1210130296	Trần Ngọc	Trinh	06/04/1994				C14KT3	
67	1210130297	Võ Thị Yến	Trinh	03/08/1994	<i>Yến</i>	10	Mười điểm	C14KT3	
68	1210130298	Võ Việt	Trinh	17/04/1993				C14KT3	
69	1210130299	Huỳnh Thị	Tròn	09/09/1993	<i>Thị</i>	5	Năm điểm	C14KT3	
70	1210130300	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	24/04/1994	<i>Thanh</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
71	1210130301	Nguyễn Thị Thủy	Trúc	028/7/1994	<i>Thủy</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
72	1210130302	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	18/12/1994	<i>Thanh</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
73	1210130303	Phan Thanh	Trúc	21/10/1994	<i>Thanh</i>	5	Năm điểm	C14KT3	
74	1210130304	Sư Thanh	Trúc	05/10/1994	<i>Thanh</i>	8	Tám điểm	C14KT3	
75	1210130305	Cao Minh	Tuấn	23/12/1993	<i>Minh</i>	8	Tám điểm	C14KT3	
76	1210130306	Trần Châu	Tuấn	16/09/1994	<i>Châu</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
77	1210130313	Đinh Thị Thanh	Tuyền	31/05/1994	<i>Thanh</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
78	1210130310	Hồ Thị Thanh	Tuyền	19/07/1993	<i>Thanh</i>	5	Năm điểm	C14KT3	

	Mã SV	Họ và tên	Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1210130311	Lê Thị Ngọc	Tuyền	03/11/1994	<i>[Signature]</i>	10	Mười điểm	C14KT3	
	1210130312	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	28/03/1994	<i>[Signature]</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
81	1210130314	Phùng Thị Mộng	Tuyền	13/07/1994	<i>[Signature]</i>	3	Ba điểm	C14KT3	
82	1210130315	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	17/11/1994	<i>[Signature]</i>	5	Năm điểm	C14KT3	
83	1210130308	Huỳnh Thanh	Tùng	20/04/1994	<i>[Signature]</i>	8	Tám điểm	C14KT3	
84	1210130309	Bùi Anh	Tú	30/09/1994	<i>[Signature]</i>	2	Hai điểm	C14KT3	
85	1210130316	Bùi Thị Minh	Ty	11/08/1994	<i>[Signature]</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
86	1210130317	Lê Thị Kim	Uyên	12/12/1994	<i>[Signature]</i>	10	Mười điểm	C14KT3	
87	1210130318	Kiều Thị Thúy	Vân	30/08/1994	<i>[Signature]</i>	8	Tám điểm	C14KT3	
88	1210130319	Nguyễn Thị	Vân	18/04/1994	<i>[Signature]</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
89	1210130320	Hồ Thị Xuân	Vi	07/10/1994	<i>[Signature]</i>	4	Bốn điểm	C14KT3	
90	1210130321	Lê Huyền	Vi	18/06/1994	<i>[Signature]</i>	5	Năm điểm	C14KT3	
91	1210130322	Ngô Thị	Vinh	08/11/1994	<i>[Signature]</i>	7	Bảy điểm	C14KT3	
92	1210130324	Trần Thị Thanh	Vui	14/02/1994	<i>[Signature]</i>	5	Năm điểm	C14KT3	
93	1210130323	Nguyễn Thanh	Vương	10/03/1994	<i>[Signature]</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
94	1210130327	Lê Nguyễn Thùy	Vy	14/07/1994	<i>[Signature]</i>	5	Năm điểm	C14KT3	
95	1210130328	Nguyễn Thị Aùi	Vy	19/10/1994	<i>[Signature]</i>			C14KT3	
96	1210130330	Huỳnh Kim Anh	Xuân	18/10/1994	<i>[Signature]</i>	10	Mười điểm	C14KT3	
97	1210130331	Lữ Thị Thanh	Xuân	09/01/1994	<i>[Signature]</i>	10	Mười điểm	C14KT3	
98	1210130333	Trần Thanh	Xuân	27/11/1994	<i>[Signature]</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
99	1210130334	Trương Thị Kim	Xuân	12/11/1994	<i>[Signature]</i>	5	Năm điểm	C14KT3	
100	1210130335	Hồ Hải	Yến	07/11/1994	<i>[Signature]</i>			C14KT3	
101	1210130336	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	20/03/1994	<i>[Signature]</i>	8	Tám điểm	C14KT3	
102	1210130337	Phạm Mỹ	Yến	05/05/1994	<i>[Signature]</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
103	1210130338	Trần Kim	Yến	20/11/1994	<i>[Signature]</i>	6	Sáu điểm	C14KT3	
104	1210130339	Lê Như	Ý	24/12/1994	<i>[Signature]</i>	9	Chín điểm	C14KT3	
105	1210130340	Nguyễn Thị Như	Ý	19/06/1993	<i>[Signature]</i>	5	Năm điểm	C14KT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đồng học phi không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.